

Ngày 3/2, học sinh cả nước sẽ đi học trở lại sau Tết Ất Ty 2025

18:25 02/02/2025

Kể từ ngày 3/2, học sinh nhiều địa phương sẽ đi học trở lại sau thời gian dài nghỉ Tết Nguyên đán Ất Ty 2025.



Kể từ ngày mai (3/2), học sinh nhiều địa phương sẽ đi học trở lại sau thời gian dài nghỉ Tết Nguyên đán Ất Ty 2025.

Theo đó, trước Tết Ất Ty 2025, các tỉnh thành trên cả nước đã công bố lịch nghỉ của học sinh. Năm nay, thời gian nghỉ Tết phổ biến từ 9-14 ngày. Kon Tum là địa phương cho học sinh nghỉ dài ngày nhất, 17 ngày (tính cả ngày cuối tuần).

Các địa phương sẽ cho học sinh đi học trở lại sớm nhất từ ngày 3/2 (tức ngày mùng 6 tháng Giêng) và muộn nhất là ngày 10/2 (tức ngày mùng 13 tháng Giêng).

Cũng mới đây, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Hà Nội thông tin: Tính đến 15h ngày 2/2, trong kỳ nghỉ Tết, tại các đơn vị, trường học trên địa bàn thành phố đều bảo đảm an toàn về mọi mặt, không để xảy ra sự cố. Việc ứng trực, bảo vệ

đơn vị, trường học được duy trì, không để xảy ra mất an toàn và cháy nổ.

Sở GD&ĐT Hà Nội yêu cầu các nhà trường nhanh chóng ổn định nền nếp dạy, học ngay trong những ngày đầu năm mới; đồng thời tăng cường các biện pháp quản lý, bảo đảm an toàn cho học sinh.

Lịch đi học trở lại của học sinh 63 tỉnh, thành phố như sau:

STT	Tỉnh, thành	Ngày đi học lại sau Tết Nguyên đán	STT	Tỉnh, thành	Ngày đi học lại sau Tết Nguyên đán
1	An Giang	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	32	Khánh Hòa	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	7/2 (mùng 10 tháng Giêng)	33	Kiên Giang	10/2 (13 tháng Giêng)
3	Bắc Giang	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	34	Kon Tum	10/2 (13 tháng Giêng)
4	Bắc Kạn	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	35	Lai Châu	5/2 (mùng 8 tháng Giêng)
5	Bạc Liêu	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	36	Lâm Đồng	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
6	Bắc Ninh	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	37	Lạng Sơn	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
7	Bến Tre	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	38	Long An	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
8	Bình Định	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	39	Nam Định	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
9	Bình Dương	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	40	Nghệ An	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
10	Bình Thuận	5/2 (mùng 8 tháng Giêng)	41	Lào Cai	7/2 (mùng 10 tháng Giêng)
11	Cà Mau	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	42	Ninh Bình	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
12	Cần Thơ	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	43	Ninh Thuận	5/2 (mùng 8 tháng Giêng)
13	Cao Bằng	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	44	Phú Thọ	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
14	Đà Nẵng	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	45	Phú Yên	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
15	Đắk Lắk	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	46	Quảng Bình	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
16	Đắk Nông	6/2 (mùng 9 tháng Giêng)	47	Quảng Nam	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
17	Điện Biên	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	48	Quảng Ngãi	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
18	Đồng Nai	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	49	Quảng Ninh	10/2 (13 tháng Giêng)
19	Đồng Tháp	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	50	Quảng Trị	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
20	Gia Lai	6/2 (mùng 9 tháng Giêng)	51	Sóc Trăng	10/2 (13 tháng Giêng)
21	Hà Giang	7/2 (mùng 10 tháng Giêng)	52	Sơn La	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
22	Hà Nam	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	53	Tây Ninh	5/2 (mùng 8 tháng Giêng)
23	Hà Nội	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	54	Thái Bình	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
24	Hải Dương	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	55	Thái Nguyên	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
25	Hải Phòng	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	56	Thanh Hóa	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
26	Hà Tĩnh	5/2 (mùng 8 tháng Giêng)	57	Thừa Thiên Huế	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
27	Hậu Giang	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	58	Tiền Giang	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
28	Bình Phước	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	59	Trà Vinh	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
29	TP.HCM	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	60	Tuyên Quang	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)
30	Hòa Bình	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	61	Vĩnh Long	6/2 (mùng 9 tháng Giêng)
31	Hưng Yên	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)	62	Vĩnh Phúc	3/2 (mùng 6 tháng Giêng)

PV (t/h)